

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 12 - 2022
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huệ

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1984, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

2. Bị đơn: Chị B, sinh năm 1982, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2A, xã M, huyện N, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh A trình bày: Anh và chị B tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 30/8/2018 và được Ủy nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh và chị B chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian ngắn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng không ở gần nhau, không có sự quan tâm chia sẻ, tin tưởng và chị B không thường xuyên liên lạc với anh A. Anh A đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được và vợ chồng đã ly thân, không còn liên lạc với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, nên anh A yêu cầu được ly hôn với chị B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, anh A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh A đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên không thể về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án được, anh A xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Đối với bị đơn chị B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị B theo quy định của pháp luật. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận ý kiến của chị B về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa chị và anh A và chị B cũng không có mặt tham gia phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Xét thấy, anh A và chị B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có, không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh A, xử cho anh A được ly hôn với chị B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; án phí anh A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh A đang cư trú tại địa chỉ: 417E Lorino St, Houston, Texas 77037, Hoa Kỳ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh A có lời khai tại Tòa án theo quy định của pháp luật, nên Tòa án không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với chị B là bị đơn, chị B có địa chỉ cư trú rõ ràng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị B theo đúng quy định pháp luật (cha mẹ ruột của chị B nhận thay và cam kết giao lại ngay cho chị B) nhưng chị B cũng không có mặt tại buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa theo yêu cầu của Tòa án. Do anh A có đơn xin xét xử vắng mặt và chị B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A và chị B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh A với chị B, anh A xác định anh chị tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/8/2018 theo quy

định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy nhân dân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu cấp có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa anh A và chị B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của anh A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn anh A chỉ chung sống với chị B trong một thời gian ngắn, cả hai đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị không liên lạc với nhau từ đầu năm 2020, nay anh A xác định hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn. Đối với chị B, Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của chị đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, theo đó thì giữa anh A và chị B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hiện nay anh A và chị B không còn liên lạc với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của anh A cho anh được ly hôn với chị B.

[7] Về con chung: Theo anh A xác định anh và chị B không có con chung, khi ly hôn anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Anh A xác định anh và chị B không có tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh A và xử cho anh A được ly hôn chị B; Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí anh A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 173; khoản 5 Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A với chị B.

Xử cho anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung: Anh A xác định anh và chị B không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh A xác định anh và chị B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000220 ngày 23/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (do chị C nộp thay) được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện N;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng

Châu Minh Nguyệt